

Số: 68/TMBG-VIETTEK

Hà Nội, ngày 27 tháng 7 năm 2026

THƯ MỜI BÁO GIÁ
Thiết bị Quạt tháp làm mát - Nhà máy Nhiệt điện Sơn Động

Kính gửi: Các Nhà cung cấp có quan tâm.

Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Công nghệ Việt đang thực hiện Hợp đồng số 02/2026/HĐSXKD-ĐT ký ngày 31/03/2026 giữa Công ty Nhiệt điện Sơn Động – TKV và Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Công nghệ Việt gói thầu số 1: Khảo sát, lập báo cáo kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026 – NMNĐ Sơn Động. Để phục vụ công tác lập Báo cáo đầu tư dự án, Công ty cổ phần Tư vấn Đầu tư Công nghệ Việt kính mời các nhà cung cấp có quan tâm, tham gia báo giá Hệ thống thiết bị quạt tháp làm mát - Nhà máy nhiệt điện Sơn Động với nội dung như sau:

1. Yêu cầu về thiết bị:

- **Chi tiết thiết bị:** Bao gồm các nội dung công việc, thiết bị vật tư, thông số kỹ thuật/quy cách vật tư, số lượng chi tiết như phụ lục đính kèm.

- **Yêu cầu về thiết bị:**

+ Các thiết bị còn mới 100% chưa qua sử dụng, có nguồn gốc xuất xứ, có mã hiệu, thông số kỹ thuật rõ ràng, đầy đủ. Thiết bị được sản xuất từ năm 2025 trở lại đây.

+ Nhà cung cấp đính kèm báo giá các tài liệu kỹ thuật của thiết bị, catalog của nhà sản xuất, bản vẽ, số liệu được mô tả chi tiết theo từng khoản mục về thông số kỹ thuật của thiết bị để chứng minh thiết bị đề xuất đáp ứng được yêu cầu kỹ thuật.

2. Các yêu cầu về năng lực nhà cung cấp:

- Có giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp/Giấy chứng nhận đăng ký đầu tư, Giấy phép kinh doanh đối với mặt hàng kinh doanh có điều kiện (nếu có) (bản sao công chứng hoặc bản sao đóng dấu đỏ của doanh nghiệp).

- Bên mời chào giá có thể chấp nhận NCC độc lập hoặc NCC liên danh miễn là đảm bảo các yêu cầu về năng lực, kinh nghiệm và các điều kiện mời chào giá của Bên mời chào giá.

3. Các yêu cầu về thương mại:

- Báo giá phải ghi rõ tên thiết bị, quy cách, mã hiệu, đơn vị tính, số lượng, đơn giá của từng thiết bị, tổng giá trị đơn hàng chưa có thuế và đã có thuế GTGT.

- Địa điểm giao hàng: Tại kho Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV.

Địa chỉ: Thôn Thanh Sơn, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh

- Thời gian giao hàng: Nhà cung cấp đề xuất thời gian giao hàng.

- Hình thức thanh toán: Nhà cung cấp đề xuất hình thức thanh toán và các điều khoản thương mại kèm theo báo giá.

- Thời gian bảo hành: ≥ 12 tháng kể từ ngày bàn giao, nghiệm thu đưa thiết bị vào sử dụng.
- Hiệu lực của báo giá: ≥ 45 ngày kể từ ngày báo giá.
- Nhà cung cấp có thể báo giá toàn bộ hoặc báo giá cho một phần thiết bị thuộc phạm vi cung cấp tùy thuộc vào khả năng thực tế của mình.
- Thiết bị được chào phải thể hiện rõ nhà sản xuất, xuất xứ và nguồn gốc hợp pháp.

4. Hình thức báo giá:

- Bản báo giá/Biểu báo giá phải do đại diện hợp pháp của nhà cung cấp ký tên và đóng dấu. Trường hợp ký thay thì người ký thay phải được ủy quyền của đại diện hợp pháp của nhà cung cấp và kèm theo giấy ủy quyền, quyết định giao việc hoặc văn bản tương đương.

- Bản báo giá và các tài liệu kèm theo phải được gửi trực tiếp về địa chỉ:

+ số 2 ngõ 77 phố Ngô Thì Sĩ, TDP 9, phường Hà Đông, thành phố Hà Nội.

+ Điện thoại: 0383324033

Hoặc nhà cung cấp có thể gửi báo giá và tài liệu về địa chỉ Email: inform.viettek@gmail.com. (Đối với các đơn vị gửi báo giá qua mail vẫn phải hoàn thiện gửi báo giá gốc cho bên mời chào giá qua bưu điện hoặc nộp trực tiếp theo địa chỉ trên).

Mọi thông tin trao đổi xin vui lòng liên hệ: Ông Trần Minh Đức; số điện thoại: 0983518717.

Thời gian nhận báo giá: Không chậm hơn 11 giờ 00 phút, ngày 30 tháng 7 năm 2026.

Trân trọng cảm ơn sự hợp tác của các Nhà cung cấp./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT.



Trần Thị Thúy Phương

PHỤ LỤC 01: YÊU CẦU KỸ THUẬT QUẠT THÁP LÀM MÁT TỔ 2 - NMNĐ SƠN ĐỘNG

(Đính kèm thư mời số: 68/TMBG - VIETTEK ngày 27 tháng 7 năm 2026)

STT	Tên	Đơn vị	Số lượng	Thông số, yêu cầu kỹ thuật	Ghi chú
I	Quạt tháp làm mát		5		
1	Vị trí lắp đặt	Cái			Quạt tháp làm mát tổ 2
2	Kiểu quạt				Quạt hướng trục tháp làm mát hoặc tương đương
3	Đường kính quạt	m		9,14	Hoặc phù hợp hiện trạng lắp đặt
4	Số cánh quạt	cánh		06	Hoặc phù hợp thiết kế đồng bộ
5	Tốc độ quay định mức của quạt	vòng/phút		117	
6	Lưu lượng gió định mức	m ³ /h		≥ 278*10 ⁴	
7	Áp lực toàn phần	Pa		≥ 177,3	
8	Công suất đầu trục quạt	kW		≥ 160,9	Đáp ứng điểm làm việc theo yêu cầu
9	Hiệu suất quạt	%		≥ 88,0	
10	Góc cánh làm việc	độ			Phù hợp thiết kế khí động của nhà chế tạo
11	Kiểu dẫn động				Dẫn động trực tiếp
12	Cân bằng động/cân bằng tĩnh				Đáp ứng yêu cầu kỹ thuật của nhà chế tạo
13	Điều kiện làm việc				Phù hợp môi trường ẩm, ăn mòn, làm việc liên tục tại tháp làm mát
14	Tuổi thọ thiết kế	năm		≥ 15	Theo tiêu chuẩn chế tạo
15	Khả năng tích hợp với kết cấu hiện hữu				Phải bảo đảm lắp đặt phù hợp với vị trí hiện trạng
16	Ống chụp quạt (Fan Stack)	Bộ	06	Vật liệu FRP, bulong thép không rỉ 304; dùng cho quạt đường kính 9,14 m, cao 3,8m (dạng ống Venturi)	
II	Động cơ				
1	Loại động cơ	Cái	06		Động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu

1493
ÔNG
Ủ PH
AN E
VG M
JIẾ
JAN

2	Chế độ truyền động				Dẫn động trực tiếp quạt tháp làm mát
3	Công suất định mức	kW		≥ 185	
4	Điện áp định mức	V		380	
5	Tốc độ định mức	vòng/phút		117	
6	Mô men định mức	N.m		≥ 13.800	
7	Hiệu suất định mức	%		$\geq 96,5$	
8	Hệ số công suất			$\geq 0,96$	Không nhỏ hơn 0,96
9	Tần số làm việc	Hz		50	Phù hợp với điều khiển bằng biến tần
10	Kiểu lắp đặt				Lắp đứng
11	Cấp cách điện			$\geq H$	Không thấp hơn cấp H
12	Cấp bảo vệ			$\geq IP65$	
13	Phương pháp làm mát				Phương pháp làm mát phù hợp kết cấu động cơ tốc độ thấp lắp đứng, bảo đảm làm việc liên tục tại môi trường tháp làm mát
14	Chế độ làm việc				Liên tục
15	Khả năng chống ăn mòn				Phù hợp môi trường ẩm, ăn mòn tại tháp làm mát
16	Cảm biến nhiệt độ cuộn dây				Có, theo thiết kế của nhà chế tạo
17	Cảm biến nhiệt độ ổ trục/gối đồng cơ				Có, theo thiết kế của nhà chế tạo
18	Cảm biến rung				Có, theo thiết kế của nhà chế tạo
19	Tuổi thọ thiết kế	năm		≥ 15	Theo tiêu chuẩn chế tạo
III	Tủ điều khiển biến tần	Tủ	06	Trọn bộ	
1	Vỏ tủ	Cái	06	Tủ đặt sàn, lắp tại sân trên tháp làm mát; vỏ thép sơn tĩnh điện, loại ngoài trời, 02 lớp cánh, gioăng kín, khóa tủ, thanh tiếp địa, nhân thiết bị; cấp bảo vệ tối thiểu IP54; có quạt làm mát, lọc gió và sấy chống ẩm phù hợp môi trường tháp làm mát	

973
TY
IÂN
ĐẦU
IGH
ET
-TP

2	Biến tần	Bộ	06	Biến tần $\geq 180 \text{ kW}/380 \text{ V}$, chuyên dụng hoặc tương thích điều khiển động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu; dòng điện đầu ra định mức $\geq 330 \text{ A}$; điều khiển vector hoặc tương đương; có chức năng khởi động mềm, cài đặt thời gian tăng/giảm tốc tại chỗ, bảo vệ quá dòng, quá áp, quá nhiệt, mất pha, chạm đất và chẩn đoán lỗi thấp áp.	
3	MCCB tổng đầu vào	Cái	06	MCCB 3P-300A, điện áp 380 V; lắp trong tủ điều khiển biến tần; nguồn cấp lấy từ máy cắt/ngăn cấp nguồn hiện hữu tại PC than hạ áp; khả năng cắt phù hợp dòng ngắn mạch tại điểm lắp đặt	
4	Thiết bị và chức năng tủ điện	Bộ	06	Điều khiển tại chỗ; bảo nguồn, báo chạy, báo lỗi, reset lỗi; hiển thị điện áp, dòng điện, công suất, tần số, hệ số công suất, điện năng tiêu thụ; gồm CT 300/5A, đồng hồ đa năng, đèn báo pha, chống sét lan truyền, nút nhả/công tắc thao tác và các bảo vệ cần thiết	
5	Vật tư trong tủ	Bộ	03	Máng đi dây, dây đầu nối nội bộ, đầu cốt, cosse, nhãn dây, nhãn thiết bị, bu lông, cầu đầu động lực $\geq 300 \text{ A}$, cầu đầu tín hiệu 10 A, thanh tiếp địa và phụ kiện lắp đặt đồng bộ	
IV	Cáp điện, cáp tín hiệu và vật tư phụ trợ				
1	Cáp lực từ tủ điều khiển biến tần đến động cơ	m	90	Cáp Cu/XLPE/PVC 0,6/1kV - $3 \times 185 + 1 \times 95 \text{ mm}^2$, cấp nguồn từ đầu ra biến tần đến động cơ đồng bộ nam châm vĩnh cửu (chiều dài 15 m/quạt)	
2	Cáp tín hiệu rung động đầu trực	m	90	Cáp phù hợp với cảm biến rung đầu trực; đầu nối từ cảm biến rung động đầu trực về cầu đầu trong tủ điều khiển biến tần, sau đó sử dụng tuyến cáp hiện hữu về tủ độ rung/DCS (chiều dài 15 m/quạt)	
3	Cáp tín hiệu nhiệt độ ổ trục/gối động cơ trước	m	90	Cáp phù hợp với cảm biến nhiệt độ ổ trục/gối động cơ trước, đầu nối từ cảm biến nhiệt độ ổ trục/gối động cơ trước về cầu đầu trong tủ điều khiển biến tần, sau đó sử dụng tuyến cáp hiện hữu về Drop 6 DCS (chiều dài 15	

4	Cáp tín hiệu nhiệt độ ở trực/gối động cơ sau	m	90	Cáp phù hợp với cảm biến nhiệt độ ở trực/gối động cơ sau; đầu nối từ cảm biến nhiệt độ ở trực/gối động cơ sau về cầu đấu trong tủ điều khiển biến tần, sau đó sử dụng tuyến cáp hiện hữu về Drop 6 DCS (chiều dài 15 m/quạt)
5	Cáp tín hiệu nhiệt độ cuộn dây động cơ	m	90	Cáp phù hợp với cảm biến nhiệt độ cuộn dây động cơ; đầu nối từ cảm biến nhiệt độ cuộn dây động cơ về cầu đấu trong tủ điều khiển biến tần, sau đó sử dụng tuyến cáp hiện hữu về tủ tại chỗ/Drop 6 DCS (chiều dài 15 m/quạt)
6	Máng cáp động lực	m	90	Máng cáp tôn mạ kẽm, kích thước 200×100 mm, gồm nắp máng, co, nối, phụ kiện đồng bộ
7	Giá đỡ máng cáp	bộ	06	Giá đỡ thép mạ kẽm, bản mã, bulông liên kết, ty treo/giá đỡ phù hợp tuyến cáp tại tầng 3 tháp làm mát
8	Ống bảo vệ cáp động lực đoạn vào động cơ	m	30	Ống thép mạ kẽm, đường kính phù hợp cáp 3×185+1×95 mm ²
9	Ống bảo vệ cáp tín hiệu	m	90	Ống thép mạ kẽm/ống ruột gà bọc nhựa, đường kính phù hợp các tuyến cáp tín hiệu từ cảm biến về tủ điều khiển biến tần
10	Vật tư phụ kèm theo	Gói	01	Đầu cốt, kẹp cáp, dây rút inox, bulông, long đen, ê cu, tem nhãn, ống co nhiệt, phụ kiện cố định cáp,...
V	Dịch vụ kỹ thuật	Gói	1	- Lắp đặt vận hành chạy thử thiết bị; - Khảo sát hiện trường, lập biện pháp thi công lắp đặt thiết bị; - Tháo dỡ thiết bị cũ, vận chuyển về kho; - Lắp đặt thiết bị mới; - Kết nối hệ thống điện động lực, điện điều khiển. - Vận hành thử, hiệu chỉnh, nghiệm thu bàn giao đưa thiết bị vào vận hành; - Bàn giao tài liệu thiết bị, hướng dẫn vận hành...

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

HỢP ĐỒNG DỊCH VỤ TƯ VẤN

Số: 02/2026/NĐSD-VIETTEK

Gói thầu số 01: Khảo sát, lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026 - NMNĐ Sơn Động

I. CÁC CĂN CỨ KÝ KẾT HỢP ĐỒNG

- Bộ Luật Dân sự số 91/2015/QH1 ngày 24/11/2015 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Thương mại số 36/2005/QH11 ngày 14/6/2005 của Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam;
- Luật Xây dựng số 50/2014/QH13 ngày 18/5/2014 và Luật số 62/2020/QH14 sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Xây dựng;
- Luật Đấu thầu số 22/2023/QH15 ngày 23 tháng 6 năm 2023, sửa đổi, bổ sung tại Luật số 57/2024/QH15, Luật số 90/2025/QH15;
- Nghị định số 214/2025/NĐ-CP ngày 04/08/2025 của Chính phủ về việc quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Đấu thầu về lựa chọn nhà thầu;
- Quyết định số 3728/QĐ-ĐLTKV ngày 22/12/2025 của Tổng Công ty Điện lực - TKV về việc giao kế hoạch đầu tư năm 2026 cho Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV;
- Quyết định số 171/QĐ-ĐLTKV ngày 18/03/2026 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV về việc phê duyệt Đề cương nhiệm vụ - Dự toán giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026 - NMNĐ Sơn Động;
- Quyết định số 878/QĐ-NĐSD ngày 23/03/2026 của Giám đốc Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV về việc Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu giai đoạn chuẩn bị đầu tư Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026 - NMNĐ Sơn Động;
- Biên bản thương thảo hợp đồng ngày 30/03/2026 giữa Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV và Công ty cổ phần tư vấn đầu tư Công nghệ Việt;
- Quyết định số 965/QĐ-NĐSD ngày 31/03/2026 của Giám đốc Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV về việc phê duyệt kết quả chỉ định thầu Gói thầu số 01: Khảo sát, lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026 - NMNĐ Sơn Động;

II. CÁC ĐIỀU KHOẢN VÀ ĐIỀU KIỆN CỦA HỢP ĐỒNG

Hôm nay, ngày 31 tháng 03 năm 2026, tại văn phòng Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV, chúng tôi gồm các bên dưới đây:

BÊN GIAO THẦU: Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV (Sau đây gọi tắt là Bên A)	
Đại diện:	Ông Dương Hồng Đường
Chức vụ:	Giám đốc
Địa chỉ:	Thôn Đồng Rì, Xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh
Điện thoại:	0240 3588026
Tài khoản:	2509211000002
Tại Ngân hàng:	Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Sơn Động - CN Bắc Giang II.
MST:	0104297034-003
BÊN NHẬN THẦU: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư Công nghệ Việt (Sau đây gọi tắt là Bên B)	
Đại diện:	Bà Trần Thị Thúy Phương
Chức vụ:	Tổng giám đốc
Trụ sở chính:	Số 33, ngõ 125 Bùi Xương Trạch, phường Khương Đình, thành phố Hà Nội
VP Công ty	Tầng 5, số 104, phố Tống Tất Thắng, phường Kiến Hưng, thành phố Hà Nội
Điện thoại:	+84-3-8332 4033
Tài khoản:	90635639
Tại Ngân hàng:	Ngân hàng TMCP Á Châu – Chi nhánh Hà Nội.
MST:	0104939732

Các bên thống nhất thoả thuận các điều kiện và điều khoản như sau:

Điều 1. Các định nghĩa và diễn giải

Các từ và cụm từ trong Hợp đồng này được hiểu theo các định nghĩa và diễn giải sau đây:

- 1.1. Chủ đầu tư là: Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV (gọi tắt là Bên A)
- 1.2. Nhà thầu tư vấn là: Công ty cổ phần Tư vấn đầu tư Công nghệ Việt (gọi tắt là Bên B).
- 1.3. Dự án là: Dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026 - NMNĐ Sơn Động.

1.4. Gói thầu là: “Khảo sát, lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026 - NMNĐ Sơn Động”.

1.5. Chủ đầu tư: là tổ chức sở hữu vốn trực tiếp giám sát, quản lý quá trình thực hiện dự án.

1.6. Đại diện chủ đầu tư: là người được Chủ đầu tư nêu ra trong hợp đồng hoặc được uỷ quyền và thay mặt cho chủ đầu tư triển khai, điều hành công việc hoặc một phần công việc của hợp đồng.

1.7. Đại diện nhà thầu tư vấn: là người được Nhà thầu tư vấn nêu ra trong hợp đồng hoặc được Nhà thầu tư vấn chỉ định và thay mặt nhà thầu tư vấn điều hành công việc.

1.8. Hợp đồng: là toàn bộ Hồ sơ Hợp đồng dịch vụ tư vấn theo quy định tại Điều 2 [Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên].

1.9. Bên là Chủ đầu tư hoặc Nhà thầu tư vấn tùy theo hoàn cảnh cụ thể.

1.10. Ngày được hiểu là ngày dương lịch và tháng được hiểu là tháng dương lịch.

1.11. Ngày làm việc là ngày dương lịch, trừ ngày chủ nhật, ngày nghỉ lễ, tết theo quy định của pháp luật.

1.12. Bất khả kháng được định nghĩa tại Điều 13. Bất khả kháng.

1.13. Luật là toàn bộ hệ thống văn bản pháp luật của nước Cộng hoà Xã hội chủ nghĩa Việt Nam.

Điều 2. Hồ sơ Hợp đồng và thứ tự ưu tiên

2.1. Hồ sơ Hợp đồng bao gồm các điều khoản và điều kiện của Hợp đồng này và các tài liệu tại khoản 2.2 dưới đây.

2.2. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng là bộ phận không tách rời của Hợp đồng này. Các tài liệu kèm theo Hợp đồng và thứ tự ưu tiên để xử lý mâu thuẫn giữa các tài liệu bao gồm:

- a) Văn bản hợp đồng và các phụ lục của hợp đồng;
- b) Biên bản thương thảo hợp đồng;
- c) Các tài liệu liên quan khác (nếu có).

Điều 3. Nội dung, khối lượng công việc

Bên A đồng ý giao, và Bên B đồng ý nhận thực hiện cung cấp dịch vụ tư vấn Gói thầu số 01: Khảo sát, lập báo cáo Kinh tế kỹ thuật dự án đầu tư thiết bị phục vụ sản xuất năm 2026 - NMNĐ Sơn Động, bao gồm nhưng không giới hạn các công việc như sau:

3.1. Khảo sát:

- Xác định mục đích, phạm vi, đối tượng khảo sát; bố trí nhân lực và lịch trình khảo sát.

- Khảo sát trực tiếp, đánh giá hiện trạng kỹ thuật làm việc của các thiết bị phục vụ sản xuất, gồm có:

- + Thiết bị quạt tháp làm mát tuần hoàn tổ máy số 2 (số 7,8,9,10,11,12);

+ 01 Thiết bị phân tích nhiệt lượng;

+ 01 Thang máy lò hơi số 2.

- Phân tích đánh giá tình hình hoạt động, năng lực thiết bị, tình trạng vận hành thiết bị, điều kiện làm việc, môi trường làm việc của các thiết bị/hệ thống hiện hữu.

- Thu thập các số liệu, tài liệu kỹ thuật, thông tin về bảo dưỡng sửa chữa để phục vụ lập dự án.

- Tổng hợp chi tiết thông tin dữ liệu khảo sát để phục vụ lập dự án đầu tư.

3.2. Lập dự án đầu tư:

Việc lập dự án đầu tư tuân thủ các văn bản pháp luật, quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, quy định hiện hành khác có liên quan và căn cứ các hồ sơ quản lý kỹ thuật hệ thống/thiết bị của nhà máy. Hồ sơ Dự án đầu tư phải đầy đủ, đảm bảo yêu cầu về nội dung theo mẫu hồ sơ Dự án ban hành kèm theo Quyết định số 3855/QĐ-ĐLTKV ngày 31/12/2025 của Tổng công ty Điện lực - TKV.

- Sự cần thiết đầu tư dự án: Phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống, thiết bị; phân tích đánh giá tình trạng vận hành, các khiếm khuyết, bất cập trong quá trình vận hành (nếu có) để từ đó đánh giá sự cần thiết phải đầu tư dự án và đề xuất quy mô đầu tư dự án.

- Nghiên cứu các giải pháp công nghệ, kỹ thuật: Trên cơ sở các kết quả khảo sát, đo đạc thực tế, đánh giá hiện trạng thiết bị, quá trình sửa chữa thường xuyên, trung đại tu...; nghiên cứu đề xuất giải pháp triển khai thực hiện dự án, trong đó đề xuất lựa chọn các công nghệ, tiêu chí kỹ thuật đảm bảo:

(i) Phù hợp với hiện trạng vận hành của NMNĐ Sơn Động;

(ii) Phù hợp với sự phát triển công nghệ hiện nay, tính tương thích với hệ thống hiện có, khắc phục được lỗi của hệ thống hiện tại, đã được áp dụng có hiệu quả ở các nhà máy nhiệt điện tại Việt Nam và được đánh giá đảm bảo vận hành ổn định;

(iii) Chi phí đầu tư ban đầu và chi phí vận hành sửa chữa phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo hiệu quả kinh tế;

(iv) Khả năng thi công lắp đặt;

(v) Tiết kiệm năng lượng và hiệu quả, thân thiện với môi trường;

(vi) Khả năng cung cấp của thị trường (các nhà cung cấp tiềm năng);

- Tính toán Tổng mức đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành, theo hướng dẫn tại Chương 4, Mẫu hồ sơ dự án ban hành tại Quyết định số 3855/QĐ-ĐLTKV ngày 31/12/2025, đảm bảo tính đúng, tính đủ trong đó xem xét đến cả chi phí vận hành, xét đến hiệu quả kinh tế của dự án, đảm bảo không vượt giá trị tổng mức đầu tư dự kiến tại Quyết định số 171/QĐ-ĐLTKV ngày 18/03/2026.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện dự án chi tiết, đảm bảo phù hợp với công tác vận hành của nhà máy, sớm đưa dự án vào sử dụng.

Bên B có trách nhiệm sửa đổi, hoàn thiện hồ sơ dự án đầu tư sau khi có ý kiến thẩm định của chủ đầu tư.

Điều 4. Yêu cầu về chất lượng

Chất lượng sản phẩm tư vấn phải phù hợp với nội dung hợp đồng tư vấn đã ký kết giữa các bên; đảm bảo thực hiện đúng các quy định của pháp luật về việc áp dụng các quy chuẩn, tiêu chuẩn. Những sai sót trong sản phẩm của hợp đồng tư vấn phải được Nhà thầu tư vấn hoàn chỉnh theo đúng các điều khoản thỏa thuận trong hợp đồng.

Điều 5. Hồ sơ và tài liệu giao nộp

a) Hồ sơ, tài liệu giao nộp:

Hồ sơ dự án đầu tư gồm 04 tập:

- Tập 1: Thuyết minh chung;
- Tập 2: Các phụ lục;
- Tập 3: Các bản vẽ;
- Tập 4: Các tài liệu đi kèm báo cáo.

Hồ sơ dự án gồm 05 bộ gốc, đầy đủ chữ ký và đóng dấu của Tư vấn và (01) một USB lưu file mềm dưới định dạng PDF bản scan và các file mềm được lưu dưới định dạng thông dụng như Word, Excel, AutoCad.

b) Địa điểm giao nộp tài liệu: Phòng Kế hoạch - Đầu tư - Vật tư, Công ty Nhiệt điện Sơn Động - TKV, thôn Đồng Rì, xã Tây Yên Tử, tỉnh Bắc Ninh.

Điều 6. Nghiệm thu hợp đồng

6.1. Căn cứ nghiệm thu sản phẩm tư vấn:

- Hợp đồng ký giữa hai bên và các phụ lục kèm theo (nếu có);
- Hồ sơ dự án đầu tư hoàn chỉnh, số lượng bộ hồ sơ đáp ứng yêu cầu tại Điều 5;
- Các quy định của pháp luật, quy chuẩn, tiêu chuẩn áp dụng cho hợp đồng.

6.2. Các căn cứ nghiệm thu hợp đồng:

- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành.
- Quyết định phê duyệt của cấp có thẩm quyền.

Điều 7. Thời gian thực hiện hợp đồng

7.1. Thời gian thực hiện hợp đồng: 60 ngày bao gồm cả thứ 7, chủ nhật trừ ngày nghỉ lễ, Tết (nếu có) kể từ ngày ký hợp đồng.

Tiến độ thực hiện:

- Khảo sát, thu thập số liệu: 05 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Hoàn thiện hồ sơ dự án đầu tư: 50 ngày kể từ ngày ký hợp đồng.
- Hoàn thiện hồ sơ dự án sau khi có ý kiến thẩm định của Chủ đầu tư: 05 ngày.

7.2. Trong thời gian thực hiện hợp đồng, trường hợp hai bên gặp khó khăn dẫn đến chậm trễ thời gian thực hiện Hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết trong thời gian sớm nhất, đồng thời nêu rõ lý do cùng thời gian dự tính kéo dài. Sau khi nhận được thông báo kéo dài thời gian của một bên, bên kia

sẽ nghiên cứu xem xét. Trường hợp được các bên thống nhất gia hạn hợp đồng, các bên sẽ thương thảo và ký kết Phụ lục bổ sung hợp đồng.

Điều 8. Loại hợp đồng, Giá hợp đồng

8.1. Loại hợp đồng: Hợp đồng trọn gói.

8.2. Giá hợp đồng:

Giá trị hợp đồng là: 236.000.000 đồng (*Bằng chữ: Hai trăm ba mươi sáu triệu đồng chẵn*).

Giá trị hợp đồng trên đã bao gồm thuế GTGT, các loại phí, thuế khác và chi phí cần thiết cho việc thực hiện gói thầu theo quy định hiện hành.

Điều 9. Phương thức thanh toán hợp đồng

9.1. Tạm ứng hợp đồng: Không tạm ứng.

9.2. Thanh toán hợp đồng:

- Thanh toán lần 1: Bên A thanh toán 90% giá trị Hợp đồng cho Bên B trong vòng 30 ngày sau khi cơ quan có thẩm quyền của Bên A phê duyệt dự án đầu tư và Bên A nhận được đầy đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ, bao gồm:

- + Giấy đề nghị thanh toán;
- + Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành;
- + Biên bản quyết toán, thanh lý hợp đồng được các bên ký xác nhận;
- + Hóa đơn tài chính 100% giá trị hợp đồng.

- Thanh toán lần 2: Bên A giữ lại 10% giá trị hợp đồng thực hiện giám sát tác giả và sẽ thanh toán cho bên B trong vòng 30 ngày sau khi nghiệm thu toàn bộ các hạng mục của dự án đưa vào sử dụng và Bên A nhận được đề nghị thanh toán của Bên B.

9.2. Đồng tiền thanh toán: đồng Việt Nam.

9.3. Hình thức thanh toán: Chuyển khoản.

Điều 10. Quyền và nghĩa vụ của Bên B

10.1. Quyền của Bên B:

- a) Yêu cầu Bên A cung cấp các thông tin, tài liệu liên quan đến hợp đồng.
- b) Được đề xuất các công việc thay đổi vì lợi ích của Bên A hoặc khi phát hiện yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm tư vấn.
- c) Được quyền yêu cầu Bên A thanh toán đúng hạn.

10.2. Nghĩa vụ của Bên B:

a) Bên B có nghĩa vụ thực hiện công việc đã được nêu trong Điều 3 và theo đúng các tiêu chuẩn, yêu cầu về kỹ thuật, quy trình, quy phạm hiện hành của Nhà nước và của ngành nhằm đảm bảo tính hiệu quả và kinh tế cho Bên A.

b) Đảm bảo rằng tất cả các công việc Bên B thực hiện theo Hợp đồng này phải phù hợp với luật pháp của Việt Nam. Đảm bảo sản phẩm tư vấn phải được thực hiện bởi các chuyên gia có đủ điều kiện năng lực hành nghề theo quy định của pháp luật. Bên B phải sắp xếp, bố trí nhân lực của mình có kinh nghiệm và năng lực cần thiết như danh sách nhân sự tại Phụ lục II của hợp đồng và đảm bảo

rằng các nhân sự của Bên B sẽ luôn tuân thủ luật pháp trong thời gian thực hiện Hợp đồng.

c) Bên B có nghĩa vụ hoàn thành công việc đúng tiến độ, chất lượng theo quy định trong hợp đồng. Bên B thông báo đầy đủ và kịp thời tất cả thông tin liên quan đến công việc có thể làm chậm trễ hoặc cản trở việc hoàn thành các công việc theo tiến độ và đề xuất giải pháp thực hiện.

d) Phải cam kết rằng khi có yêu cầu của Bên A, Bên B sẽ cử đại diện có đủ thẩm quyền, năng lực để giải quyết các công việc còn vướng mắc tại bất kỳ thời điểm theo yêu cầu của Bên A (kể cả ngày nghỉ) cho tới ngày nghiệm thu sản phẩm.

e) Tuân thủ sự chỉ đạo và hướng dẫn của Bên A, trừ những hướng dẫn hoặc yêu cầu trái với luật pháp hoặc trái với yêu cầu của hợp đồng.

g) Bên B chịu trách nhiệm về tính đúng đắn, trung thực và chính xác đối với các Sản phẩm, Dịch vụ cung cấp cho Bên A; có trách nhiệm trình bày và bảo vệ các quan điểm về các nội dung của công việc tư vấn trong các buổi họp trình duyệt của các cấp có thẩm quyền do Chủ đầu tư tổ chức.

h) Chịu trách nhiệm pháp lý về khối lượng, chất lượng công việc của Hợp đồng. Trong trường hợp Bên B vi phạm không hoàn thành đầy đủ số lượng sản phẩm hoặc chất lượng sản phẩm không đạt yêu cầu quy định trong Hợp đồng, ngoài việc phải chịu trách nhiệm như quy định tại Điều 16 của Hợp đồng thì Bên B vẫn phải khắc phục ngay những sai sót đó.

i) Tất cả các tài liệu do Bên B phát hành cho hợp đồng này sẽ là tài sản của Bên A. Bên B có trách nhiệm giao toàn bộ các tài liệu này cho Bên A đủ số lượng và thời gian theo quy định tại Điều 5 và Điều 7.

k) Bên B không được chuyển nhượng việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo Hợp đồng của mình cho Bên thứ ba nếu không được sự đồng ý bằng văn bản của Bên A.

l) Nhân sự bên B thực hiện công việc tại hiện trường phải tuyệt đối chấp hành các quy định làm việc trong khu vực Công ty nhiệt điện Sơn Động - TKV, đảm bảo an toàn trong thời gian khảo sát, thu thập thông tin để lập dự án. Chịu trách nhiệm xử lý giải quyết các trường hợp xảy ra mất an toàn trong phạm vi khu vực dự án do bên B gây ra.

m) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong Hợp đồng này.

Điều 11. Quyền và nghĩa vụ của Bên A

11.1. Quyền của Bên A:

a) Từ chối nghiệm thu khi sản phẩm không đạt chất lượng theo Hợp đồng.

b) Kiểm tra, giám sát công việc của Bên B nếu thấy cần thiết. Việc Bên A kiểm tra không làm giảm trách nhiệm của Bên B trong quá trình thực hiện Hợp đồng.

c) Yêu cầu Bên B sửa chữa những sai sót hoặc bổ sung, thay đổi những vấn đề không phù hợp với yêu cầu nội dung công việc nêu trong Hợp đồng.

d) Yêu cầu Bên B thực hiện khối lượng công việc theo đúng quy trình, quy

phạm hiện hành của Nhà nước.

e) Toàn quyền sở hữu và sử dụng sản phẩm Hợp đồng phục vụ mục đích của Bên A.

g) Yêu cầu Bên B thay đổi nhân sự không đáp ứng yêu cầu năng lực theo quy định hoặc không đúng với hồ sơ nhân sự trong Hợp đồng.

11.2. Nghĩa vụ của Bên A:

a) Cung cấp cho Bên B các thông tin về yêu cầu công việc, hướng dẫn, tạo điều kiện cho Bên B thực hiện công tác khảo sát hiện trường.

b) Cung cấp các tài liệu cần thiết theo đề xuất của Bên B để Bên B thực hiện công việc. Bên A chịu trách nhiệm về tính chính xác và đầy đủ của các tài liệu do mình cung cấp.

c) Bảo đảm quyền tác giả đối với sản phẩm tư vấn có quyền tác giả theo hợp đồng.

d) Giải quyết kiến nghị của Nhà thầu tư vấn theo thẩm quyền trong quá trình thực hiện hợp đồng đúng thời hạn do các bên thỏa thuận trong hợp đồng.

e) Thanh toán cho Bên B theo đúng các qui định được thỏa thuận trong Hợp đồng này.

g) Cử những cá nhân có đủ năng lực và chuyên môn phù hợp với từng công việc để làm việc với Bên B trong thời gian thực hiện Hợp đồng.

h) Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ và trách nhiệm khác được nêu trong Hợp đồng này.

Điều 12. Nhân sự

12.1. Bên B phải huy động tất cả chuyên gia có đủ điều kiện năng lực, có chứng chỉ hành nghề theo quy định, trình độ chuyên môn, kinh nghiệm phù hợp để thực hiện các nội dung công việc như quy định tại Phụ lục II.

Trường hợp cần thiết phải thay đổi nhân sự thì Bên B phải báo cáo bằng văn bản (nêu rõ lý do, đồng thời cung cấp lý lịch người thay thế cho Bên A) và phải được sự chấp thuận của Bên A. Nhân sự thay thế phải có năng lực, kinh nghiệm tương đương hoặc tốt hơn so với nhân sự bị thay thế.

12.2. Trường hợp cá nhân chuyên gia tư vấn mất năng lực hành vi dân sự hoặc không hoàn thành tốt công việc của mình thì Bên A có quyền yêu cầu thay thế chuyên gia đó. Khi nhận được văn bản yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, trong thời gian 03 ngày kể từ ngày nhận được yêu cầu thay thế nhân sự của Bên A, Bên B phải thực hiện thay thế chuyên gia có năng lực và kinh nghiệm được Bên A chấp nhận. Trừ trường hợp có thỏa thuận khác, mọi chi phí phát sinh do thay đổi nhân sự do Bên B chịu.

12.3. Bên B có thể Điều chỉnh thời gian làm việc của nhân sự nếu cần thiết nhưng không làm tăng giá hợp đồng và không ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng. Những điều chỉnh khác chỉ được thực hiện khi được Bên A chấp thuận.

Điều 13. Bất khả kháng

13.1. Bất khả kháng được hiểu là những sự kiện nằm ngoài tầm kiểm soát và khả năng lường trước của các bên, không liên quan đến sai phạm hoặc sơ suất của các bên, bao gồm nhưng không giới hạn như: chiến tranh, bạo loạn, đình công, hỏa hoạn, động đất, lũ lụt, dịch bệnh, cách ly do kiểm dịch, cấm vận, thay đổi các quy định của Nhà nước liên quan đến việc thực hiện hợp đồng.

a) Bất khả kháng không bao gồm sự sơ xuất hoặc cố ý của một bên nào đó, hoặc bất kỳ sự cố nào mà một bên đã dự kiến được vào thời điểm ký kết Hợp đồng.

b) Việc một bên không hoàn thành nghĩa vụ của mình sẽ không bị coi là vi phạm Hợp đồng trong trường hợp phát sinh từ sự kiện bất khả kháng với điều kiện bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng đã thực hiện các biện pháp khắc phục theo nội dung của Hợp đồng này.

13.2. Các biện pháp thực hiện trong tình trạng bất khả kháng

a) Bên bị ảnh hưởng bởi sự kiện bất khả kháng phải tiến hành các biện pháp khắc phục trong thời gian sớm nhất để hoàn thành các nghĩa vụ của mình theo Hợp đồng với thời gian sớm nhất và phải thông báo cho bên kia biết sự kiện bất khả kháng vào thời gian sớm nhất và trong bất kỳ tình huống nào cũng không chậm hơn 07 ngày sau khi sự kiện bất khả kháng xảy ra; cung cấp bằng chứng về bản chất và nguyên nhân, đồng thời thông báo việc khắc phục trở lại điều kiện bình thường vào thời gian sớm nhất.

b) Các bên sẽ thực hiện mọi biện pháp để giảm tối đa mức thiệt hại do sự kiện bất khả kháng gây ra.

c) Trong trường hợp xảy ra bất khả kháng, các bên sẽ gia hạn thời gian thực hiện hợp đồng tương ứng bằng thời gian diễn ra sự kiện bất khả kháng mà bên bị ảnh hưởng không thể thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng của mình.

d) Nếu trong vòng 60 ngày kể từ ngày sự kiện bất khả kháng xảy ra mà mọi nỗ lực của một bên hoặc các bên không đem lại kết quả và buộc phải chấm dứt công việc, một bên sẽ gửi thông báo việc chấp dứt hợp đồng bằng văn bản cho bên kia và việc chấm dứt sẽ có hiệu lực 15 ngày sau khi bên kia nhận được thông báo.

Điều 14. Tạm ngừng công việc trong hợp đồng

14.1. Tạm ngừng công việc bởi Bên A

Nếu Bên B không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, Bên A có thể tạm ngừng toàn bộ hoặc một phần công việc của Bên B bằng văn bản thông báo. Trong nội dung văn bản, Bên A phải nêu rõ phần lỗi của Bên B và yêu cầu Bên B phải thực hiện và sửa chữa các sai sót trong khoảng thời gian hợp lý cụ thể, đồng thời Bên B phải bồi thường thiệt hại cho Bên A do tạm ngừng công việc.

Trong trường hợp yêu cầu tạm ngừng hoặc tạm dừng thực hiện hợp đồng đưa ra do lỗi hoặc vi phạm hợp đồng của Bên B, Bên B sẽ không được thanh toán bất kỳ chi phí nào từ Bên A.

14.2. Tạm ngừng công việc bởi Bên B

a) Nếu Bên A không thực hiện nghĩa vụ theo hợp đồng, không thanh toán

theo các điều khoản đã thỏa thuận trong hợp đồng này quá 30 ngày kể từ ngày hết hạn thanh toán, sau khi thông báo cho Bên A, Bên B có thể sẽ tạm ngừng công việc (hoặc giảm tỷ lệ công việc).

b) Sau khi Bên B thực hiện các nghĩa vụ của mình theo hợp đồng, Bên B phải tiếp tục tiến hành công việc bình thường ngay khi có thể được.

c) Nếu các chi phí phát sinh là hậu quả của việc tạm ngừng công việc (hoặc do giảm tỷ lệ công việc) theo khoản này, Bên B phải thông báo cho Bên A để xem xét. Sau khi nhận được thông báo, Bên A xem xét và có ý kiến về các vấn đề đã nêu.

14.3. Trước khi tạm ngừng thực hiện công việc trong hợp đồng thì một bên phải thông báo cho bên kia biết bằng văn bản trong đó nêu rõ lý do tạm ngừng công việc thực hiện. Hai bên cùng nhau thương lượng giải quyết để tiếp tục thực hiện hợp đồng.

Điều 15. Chấm dứt Hợp đồng

15.1. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên A

Bên A có thể chấm dứt hợp đồng sau bảy (07) ngày kể từ ngày gửi văn bản kết thúc hợp đồng đến Bên B. Bên A được quyền chấm dứt hợp đồng khi:

a) Bên B không thể khắc phục được sai sót nghiêm trọng trong việc thực hiện nhiệm vụ của mình trong vòng mười lăm (15) ngày kể từ ngày nhận được thông báo của Chủ đầu tư về sai sót đó.

b) Nhà thầu không có lý do chính đáng mà không tiếp tục thực hiện công việc của hợp đồng trong vòng mười lăm (15) ngày liên tục.

c) Chuyển nhượng hợp đồng mà không có sự thỏa thuận của Bên A.

d) Bên B bị phá sản hoặc vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản, phải thương lượng với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự giám sát của người quản lý tài sản, người được ủy quyền hoặc người quản lý vì lợi ích của chủ nợ hoặc đã có hành động hoặc sự kiện nào xảy ra (theo các Luật được áp dụng) có ảnh hưởng tương tự tới các hoạt động hoặc sự kiện này.

e) Bên B từ chối không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Giải quyết tranh chấp].

g) Bên B cố ý trình Bên A các tài liệu không đúng sự thật gây ảnh hưởng đến quyền lợi, nghĩa vụ và lợi ích của Bên A.

h) Trường hợp bất khả kháng quy định tại Điều 13 [Bất khả kháng].

Sau khi chấm dứt hợp đồng, Bên A có thể thuê các nhà thầu tư vấn khác thực hiện tiếp công việc tư vấn. Bên A và các nhà thầu tư vấn này có thể sử dụng bất cứ tài liệu nào đã có.

15.2. Chấm dứt hợp đồng bởi Bên B

Bên B có thể chấm dứt hợp đồng nhưng phải thông báo bằng văn bản trước cho Chủ đầu tư tối thiểu là 07 ngày trong các trường hợp sau đây:

a) Công việc bị ngừng do lỗi của Bên A trong khoảng thời gian 30 ngày.

b) Bên A không thanh toán cho Bên B theo hợp đồng và không thuộc đối tượng tranh chấp theo Điều 18 [Giải quyết tranh chấp] sau khoảng thời 90 ngày kể từ ngày Chủ đầu tư nhận đủ hồ sơ thanh toán hợp lệ.

c) Bên A không tuân theo quyết định cuối cùng đã đạt được thông qua trọng tài phân xử tại Điều 18 [Giải quyết tranh chấp].

d) Do hậu quả của sự kiện bất khả kháng tại Điều 13 [Bất khả kháng].

e) Bên A bị phá sản, vỡ nợ, bị đóng cửa, bị quản lý tài sản phải điều đình với chủ nợ hoặc tiếp tục kinh doanh dưới sự điều hành của người được ủy thác hoặc người đại diện cho quyền lợi của chủ nợ hoặc nếu đã có hành động hoặc sự kiện nào đó xảy ra (theo các Luật hiện hành) có tác dụng tương tự tới các hành động hoặc sự kiện đó.

15.3. Khi chấm dứt hợp đồng, thì các quyền và nghĩa vụ của các bên sẽ chấm dứt trừ điều khoản về giải quyết tranh chấp.

15.4. Khi một trong hai bên chấm dứt hợp đồng thì ngay khi gửi hay nhận văn bản chấm dứt hợp đồng, Bên B sẽ thực hiện các bước cần thiết để kết thúc công việc tư vấn một cách nhanh chóng và cố gắng để giảm tối đa mức chi phí.

15.5. Thanh toán khi chấm dứt hợp đồng: Việc thanh toán thực hiện theo quy định của Hợp đồng cho các công việc đã thực hiện trước ngày chấm dứt có hiệu lực.

Điều 16. Thưởng, phạt vi phạm Hợp đồng

16.1. Thưởng hợp đồng: Không áp dụng

16.2. Phạt vi phạm Hợp đồng

Nếu Bên B không đảm bảo chất lượng công việc và chậm tiến độ theo quy định trong Hợp đồng thì bị phạt tiền theo qui định của pháp luật hiện hành. Cụ thể như sau:

a) Phạt Hợp đồng do chậm tiến độ:

Bên B phải thực hiện Dịch vụ theo đúng các mốc tiến độ công việc đã được ghi rõ ở Điều 7. Nếu Bên B chậm trễ trong việc thực hiện dịch vụ phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A với mức phạt 0,3% giá trị Hợp đồng cho mỗi ngày chậm tiến độ.

Tổng số tiền phạt phạt không vượt quá 8% giá trị Hợp đồng.

Trường hợp Bên B chậm tiến độ quá 30 ngày thì Bên A có quyền chấm dứt hợp đồng và Bên B không nhận được bất kỳ khoản chi phí nào kể cả cho phần công việc đã thực hiện.

b) Phạt Hợp đồng do không đảm bảo chất lượng công việc:

Bên B phải thực hiện dịch vụ đảm bảo đúng các cam kết và đáp ứng các yêu cầu về chất lượng công việc như quy định trong Hợp đồng này. Nếu Bên B không đảm bảo được chất lượng dịch vụ theo các cam kết nêu trong Hợp đồng này phải chịu trách nhiệm bồi thường thiệt hại cho Bên A với mức phạt bằng 8% giá trị Hợp đồng, đồng thời có nghĩa vụ sửa chữa thay đổi theo quy định của Hợp đồng này và pháp luật hiện hành.

Trường hợp hồ sơ dự án phải hiệu chỉnh quá 03 lần theo ý kiến thẩm định của cấp có thẩm quyền của Bên A thì được coi là không đảm bảo chất lượng công việc.

Tổng các khoản phạt nói trên không quá 8% giá trị Hợp đồng.

c) Phương thức phạt Hợp đồng:

Trong trường hợp Bên B vi phạm Hợp đồng và bị phạt theo điểm 16.2 a) hoặc 16.2 b) trên đây, Bên A sẽ khấu trừ tiền phạt Hợp đồng vào giá trị còn lại của Hợp đồng chưa thanh toán hoặc yêu cầu Bên B thanh toán cho Bên A phần giá trị phạt Hợp đồng bằng hình thức chuyển khoản.

16.3. Đối với bên A

- Trường hợp Bên A chậm thanh toán cho Bên B thì Bên A phải bồi thường cho Bên B số tiền được tính bằng 150% lãi suất huy động tiết kiệm 12 tháng trả sau bình quân của 04 Ngân hàng thương mại lớn của Việt Nam (Vietcombank, Vietinbank, BIDV, Agribank) tại từng thời điểm chậm thanh toán, nhưng tổng giá trị phạt vi phạm không vượt quá 8% số tiền chậm thanh toán đó.

Điều 17. Điều chỉnh hợp đồng

17.1. Trong quá trình thực hiện Hợp đồng, nếu cần phải điều chỉnh hợp đồng thì trong khoảng thời gian 5 ngày kể từ khi nhận được đề nghị điều chỉnh hợp đồng của một bên, bên nhận được đề nghị có trách nhiệm xem xét và đưa ra các yêu cầu cụ thể cho việc điều chỉnh này làm cơ sở để hai bên thương thảo và ký kết phụ lục điều chỉnh hợp đồng. Nếu có thay đổi các phạm vi công việc khác của Hợp đồng thì hai bên sẽ đàm phán thương thảo để ký bổ sung phụ lục Hợp đồng trên cơ sở giữ nguyên đơn giá nhân công của hợp đồng này.

17.2. Điều chỉnh thuế: Điều chỉnh theo quy định của nhà nước.

Trong quá trình thực hiện hợp đồng, trường hợp tại thời điểm thanh toán nếu chính sách về thuế có sự thay đổi (tăng hoặc giảm) và trong hợp đồng có quy định được điều chỉnh thuế, đồng thời Bên B xuất trình được các tài liệu xác định rõ số thuế phát sinh thì khoản chênh lệch của chính sách về thuế sẽ được điều chỉnh theo quy định trong hợp đồng.

17.3. Việc điều chỉnh tiến độ thực hiện hợp đồng chỉ được thực hiện trong trường hợp sau đây:

a) Bất khả kháng theo quy định tại Điều 13 [Bất khả kháng].

b) Thay đổi phạm vi công việc do yêu cầu khách quan làm ảnh hưởng đến tiến độ thực hiện hợp đồng.

Điều 18. Giải quyết tranh chấp

- Trong thời gian thực hiện hợp đồng, nếu xảy ra các bất đồng, tranh chấp giữa hai bên thì hai bên sẽ cùng hợp tác giải quyết thông qua thương lượng hòa giải.

- Trong trường hợp các bên không thể giải quyết bằng thương lượng và hòa giải thì các bên có quyền đưa tranh chấp ra Tòa án có thẩm quyền. Phán quyết của Tòa án là kết luận cuối cùng đối với cả hai bên. Bên thua kiện sẽ chịu án phí và các chi phí thực tế khác có liên quan, trừ khi các bên có thỏa thuận khác.

- Trong thời gian chờ phán xử của tòa án, các bên phải tiếp tục thực hiện các nghĩa vụ khác không liên quan đến vấn đề xảy ra tranh chấp.

Điều 19. Bảo mật

a) Bên A và Bên B phải bảo mật và không được phép, nếu không có văn bản đồng ý của bên kia, tiết lộ cho bên thứ ba bất kỳ tài liệu, dữ liệu hay thông tin nào được bên kia trực tiếp hay gián tiếp cấp cho liên quan đến Hợp đồng dù cho những thông tin như vậy được cấp trước, trong hay sau khi đã chấm dứt Hợp đồng. Bất kể đến điều trên, Bên B có thể cấp cho (các) Nhà thầu phụ (nếu có) của mình các tài liệu, dữ liệu và thông tin khác như vậy nhận được từ Bên A, ở phạm vi cần thiết cho (các) Nhà thầu phụ để thực hiện công việc của mình theo Hợp đồng, trong trường hợp như vậy Bên B sẽ phải có được từ (các) Nhà thầu phụ đó một cam kết về bảo mật tương tự như cam kết bảo mật thông tin giữa Bên A và Bên B theo quy định tại điều này.

b) Điểm a) trên đây, sẽ không áp dụng cho cả hai bên đối với các thông tin mà:

- Hiện tại hay sau này sẽ được phổ biến công khai không do lỗi của một bên nào; hoặc

- Tại thời điểm tiết lộ có thể chứng minh được là đã thuộc về sở hữu của bên đó và không phải là các thông tin đã có được trước đó từ phía bên kia một cách trực tiếp hay gián tiếp; hoặc

- Có thể có được theo con đường khác một cách hợp pháp cho bên đó từ một bên thứ ba mà không phải chịu bất kỳ nghĩa vụ bảo mật nào.

- Phải cung cấp cho các cơ quan chức năng của Nhà nước theo quy định hiện hành của Chính Phủ và Nhà nước Việt Nam.

c) Điều này sẽ không (dưới mọi hình thức) làm thay đổi bất kỳ cam kết nào về bảo mật do các bên ở đây đưa ra trước khi ký Hợp đồng này và bất kỳ phần nào của nó.

d) Điều này sẽ được giữ nguyên hiệu lực dù Hợp đồng có bị chấm dứt vì bất kỳ lý do nào.

Điều 20. Thanh quyết toán và thanh lý Hợp đồng

Trong vòng 30 ngày kể từ ngày nghiệm thu hoàn thành toàn bộ nội dung công việc theo Hợp đồng, khi nhận được Biên bản nghiệm thu và xác nhận của Bên A rằng Bên B đã hoàn thành tất cả các nghĩa vụ theo qui định của Hợp đồng, Bên B sẽ trình cho Bên A 05 bộ tài liệu quyết toán hợp đồng, hồ sơ quyết toán bao gồm:

- Công văn đề nghị quyết toán của Bên B;
- Biên bản nghiệm thu khối lượng công việc hoàn thành;
- Hóa đơn tài chính theo quy định;
- Các tài liệu khác có liên quan.

Nếu Bên A không đồng ý hoặc cho rằng Bên B chưa cung cấp đủ cơ sở để xác nhận một phần nào đó của tài liệu quyết toán hợp đồng, Bên B sẽ cung cấp thêm thông tin khi Bên A có yêu cầu hợp lý và sẽ thay đổi theo sự thống nhất của hai bên. Bên B sẽ chuẩn bị và trình cho Bên A quyết toán hợp đồng như hai bên

đã thống nhất.

Hợp đồng tự động thanh lý sau khi hai bên hoàn thành các nghĩa vụ thanh quyết toán theo các điều khoản Hợp đồng.

Điều 21. Sử dụng các tài liệu và thông tin liên quan đến hợp đồng

Các tài liệu, thông tin là sản phẩm của Bên B trong khuôn khổ Hợp đồng này thuộc quyền sở hữu của Bên A. Bên B có thể giữ lại bản sao của các tài liệu và thông tin này nhưng không được sử dụng vào mục đích khác nếu không được sự chấp thuận bằng văn bản của Bên A.

Nếu không có sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A, Bên B không được tiết lộ nội dung của hợp đồng đã ký với Bên A cho bất cứ ai không phải là cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng. Việc Bên B cung cấp các thông tin cho cá nhân, doanh nghiệp, tổ chức có liên quan đến việc thực hiện hợp đồng được thực hiện theo chế độ bảo mật và trong phạm vi cần thiết cho việc thực hiện hợp đồng đó.

Điều 22. Bảo quyền

Bên B phải hoàn toàn chịu trách nhiệm trước pháp luật về mọi thiệt hại phát sinh do việc khiếu nại của bên thứ ba (nếu có) về việc vi phạm quyền sở hữu trí tuệ liên quan tới dịch vụ tư vấn mà Bên B cung cấp cho Bên A.

Nếu Bên A gặp phải kiện tụng hay khiếu nại phát sinh từ những vấn đề nêu trên, Bên A sẽ nhanh chóng thông báo cho Bên B, và Bên B sẽ bằng chi phí của mình và trên danh nghĩa của Bên A xử lý và dàn xếp các kiện tụng, khiếu nại đó.

Điều 23. Chuyển nhượng

Bên B không được chuyển nhượng việc thực hiện toàn bộ hoặc một phần nghĩa vụ theo hợp đồng của mình nếu không được sự đồng ý trước bằng văn bản của Bên A.

Điều 24. Bảo hiểm

Nhà thầu mua bảo hiểm trách nhiệm nghề nghiệp theo quy định.

Điều 25. Trao đổi thông tin

Các thông báo, chấp thuận, chứng chỉ, quyết định... đưa ra phải bằng văn bản và được chuyển đến bên nhận bằng đường bưu điện, bằng fax, hoặc email theo địa chỉ các bên đã quy định trong Hợp đồng.

Địa chỉ email nhận thông tin của Chủ đầu tư: kehoachvattusondong@gmail.com

Địa chỉ email nhận thông tin của Nhà thầu: inform.viettek@gmail.com

Trường hợp bên nào thay đổi địa chỉ liên lạc thì phải thông báo cho bên kia để đảm bảo việc trao đổi thông tin. Nếu bên thay đổi địa chỉ mà không thông báo cho bên kia thì phải chịu mọi hậu quả phát sinh do việc thay đổi địa chỉ mà không thông báo.

Điều 26. Luật và ngôn ngữ sử dụng trong Hợp đồng

- Hợp đồng này chịu sự điều chỉnh của hệ thống pháp luật của Việt Nam.
- Ngôn ngữ của Hợp đồng này được thể hiện bằng tiếng Việt.

Điều 27. Điều khoản chung

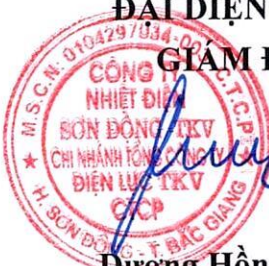
- Hai Bên cam kết thực hiện đúng, nghiêm túc đầy đủ nghĩa vụ và trách nhiệm theo các điều khoản đã thỏa thuận trong Hợp đồng. Các điều kiện và điều khoản khác không ghi trong hợp đồng này đều được các bên thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành.

- Hai Bên chủ động thông báo cho nhau tiến độ thực hiện hợp đồng. Trong quá trình thực hiện hợp đồng nếu có thay đổi hoặc phát sinh nội dung công việc, hai bên sẽ bàn bạc thống nhất và lập phụ lục bổ sung kèm theo hợp đồng này.

- Hợp đồng có hiệu lực kể từ ngày ký.

- Hợp đồng hết hiệu lực sau khi hai bên tiến hành thanh lý hợp đồng theo luật định.

Hợp đồng được lập thành 06 bản có giá trị pháp lý như nhau. Bên A giữ 04 bản, Bên B giữ 02 bản.

ĐẠI DIỆN BÊN A
GIÁM ĐỐC

Đường Hồng Đường

ĐẠI DIỆN BÊN B
TỔNG GIÁM ĐỐC

Trần Thị Thúy Phương

PHỤ LỤC I

(Đính kèm Hợp đồng số: 02/2026/NĐSD- VIETTEK ngày 31/03/2026)

ĐIỀU KHOẢN THAM CHIẾU

I. SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ, MỤC TIÊU ĐẦU TƯ

1. Thiết bị quạt tháp làm mát tuần hoàn tổ máy số 2 (số 7, 8, 9, 10, 11, 12; bao gồm: mâm, cánh, ốp cánh, động cơ và hộp giảm tốc)

a) Hiện trạng thiết bị:

** Thông số kỹ thuật quạt tháp làm mát:*

- Mã hiệu: NH-3100x6.
- Lượng nước tiêu chuẩn 1 tháp: 3100 t/h.
- Công suất điện 185 kW.
- Tổng lưu lượng nước 18600 t/h.
- Đường kính quạt Ø9.14 m.
- Nhà sản xuất: Công ty TNHH Tháp giải nhiệt Giang Tô (Jiangsu Seagull Cooling Tower Co., Ltd).

** Thông số kỹ thuật cánh quạt:*

- Vận tốc quay: 117 vòng/phút.
- Lượng gió: 278×10^4 m³/h
- Áp lực gió: 177,3 Pa.

** Thông số kỹ thuật động cơ (Số lượng 06 cái):*

- Chung loại: Y315L2-4 WTH.
- Điện áp định mức: 380 V.
- Tốc độ: 1480 vòng/phút.
- Công suất động cơ: 185 kW.
- Dòng điện định mức: 329 A.
- Tần số định mức: 50 Hz.

- Cấp bảo vệ: IP55.

** Thông số kỹ thuật hộp giảm tốc (Số lượng 06 cái):*

- Kiểu loại: L92DCZ (6).
- Công suất trục: 185 kW.
- Tỷ số truyền: $i=11,55$.
- Tốc độ: 1480 vòng/phút.
- Trọng lượng: 2800 kg.

- Nhà sản xuất: Công ty TNHH Sản xuất thiết bị Nhị Hoa Giới Thượng Hải.

** Lịch sử hoạt động, sửa chữa:*

- Thời điểm đưa vào sử dụng: Năm 2011.

- Thời điểm sửa chữa lớn gần nhất: Năm 2022.

** Tình trạng thiết bị:*

Thiết bị đang vận hành, tuy nhiên có một số khiếm khuyết sau:

- Phần cánh quạt: Oxy hóa, bong tróc các lớp bảo vệ, bị vỡ mẻ nhiều điểm, lớp composite bị bong nhiều, giữa các cánh mòn hỏng không đồng đều dẫn tới mất cân bằng dẫn tới các quạt độ rung bất thường trong quá trình vận hành. Các cánh quạt thấp làm mất xuất hiện hiện tượng bong tróc lớp phủ nhựa Epoxy, về vận hành lâu dài trong môi trường nóng ẩm dễ gây gãy cánh.

- Hộp giảm tốc: Các bánh răng bị xước nhiều bề mặt, trục bị mòn chỗ vị trí lắp vòng bi và phốt chặn dầu, các gối vị trí lắp bi mòn âm gối lỏng bi, trong quá trình vận hành hay bị rò dầu, độ rung có xu hướng tăng cao, các thiết bị đo báo lên DCS đã bị lỗi.

- Động cơ: Cuộn dây stator cách điện già hoá, đổi màu, các lớp cách điện đã bị lão hóa bong tróc nhiều, vỏ động cơ bị oxy hoá.

- Trục truyền động: bị biến dạng, các bán khớp lỗ lắp bulong bị mòn không đồng đều.

b) Sự cần thiết đầu tư:

Quạt tháp làm mát tuần hoàn tổ máy 2 số 7, 8, 9, 10, 11, 12 (bao gồm động cơ, hộp giảm tốc, cánh quạt) đã qua thời gian sử dụng dài trên 15 năm, nhiều bộ phận đã cũ kỹ xuống cấp dẫn tới hiệu suất làm việc thấp.

Để đảm bảo thiết bị làm việc ổn định, tin cậy và nâng cao hiệu suất của hệ thống, cần thiết phải đưa vào đầu tư thay mới quạt tháp làm mát tuần hoàn tổ máy 2 số 7, 8, 9, 10, 11, 12 (trọn bộ bao gồm động cơ, hộp giảm tốc, cánh quạt, trục truyền động kèm 2 bộ bán khớp, thiết bị đo lường). Ngoài trừ cánh quạt số 7 đang thực hiện trong kế hoạch sửa chữa thường xuyên năm 2026.

c) Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư thay thế thiết bị quạt tháp làm mát tổ máy số 2 (số 7, 8, 9, 10, 11, 12) giúp nâng cao hiệu suất làm mát tuần hoàn, giúp đảm bảo quá trình sản xuất liên tục cũng như đảm bảo nhà máy vận hành ổn định, qua đó nâng cao hiệu quả sản xuất.

2. Thang máy lò hơi số 2

a) Hiện trạng thiết bị:

** Thông số kỹ thuật chính:*

- Chung loại: TLJ1000/1,5-JXW(VVVF).
- Tải định mức: 1000 kg.
- Tốc độ: 1,5 m/s.
- Công suất động cơ: 15 kW.
- Dòng điện định mức: 30,1 A.
- Điện áp định mức: 380V-50 Hz.

- Kích thước: Khổ thang 2500x2300 mm.
- Cabin: 1488x1763 mm.
- Nhiệt độ giới hạn trong phòng máy: $5 \div 40$ °C.

** Lịch sử hoạt động, sửa chữa:*

- Thời điểm đưa vào sử dụng: Năm 2008.
- Thời điểm sửa chữa lớn gần nhất: Năm 2018.

** Tình trạng thiết bị:*

Thiết bị đang vận hành, tuy nhiên có một số khiếm khuyết sau:

- Hệ thống truyền động:
 - + Động cơ kéo hoạt động không ổn định, có dấu hiệu quá tải và rung lắc.
 - + Puly và cáp tải có hiện tượng mòn.
 - + Đồi trọng bị lệch, gây tiếng ồn lớn khi vận hành.
- Cabin và hệ thống cửa:
 - + Khung cabin xuống cấp, xuất hiện rỉ sét.
 - + Hệ thống cửa cabin đóng mở chậm, cảm biến an toàn hoạt động kém hiệu quả.
 - + Sàn cabin bị lún nhẹ, có dấu hiệu hao mòn.
- Hệ thống điều khiển:
 - + Bảng điều khiển có một số nút bấm không nhạy, hệ thống hiển thị tầng bị lỗi.
 - + Bộ điều khiển trung tâm đã lỗi thời, không còn tương thích với các tiêu chuẩn an toàn mới.
 - + Cảm biến hành trình không còn chính xác, gây dừng tầng sai lệch.
- Hệ thống giếng thang và phòng máy:
 - + Ray dẫn hướng có dấu hiệu hao mòn, cần kiểm tra thay thế.
 - + Phòng máy hỏng điều hoà, ảnh hưởng đến hiệu suất động cơ kéo.

b) Sự cần thiết đầu tư:

Do thang máy đã qua thời gian sử dụng dài, nhiều bộ phận đã xuống cấp, việc sửa chữa chỉ mang tính tạm thời và không đảm bảo an toàn vận hành. Để giảm sức lao động của CBCNV, tăng tần suất kiểm tra thiết bị cũng như đẩy nhanh tiến độ xử lý sự cố, sửa chữa thiết bị trên lò hơi. Cần phải đầu tư thay thế thang máy lò hơi số 2 dựa trên cơ sở mặt bằng và kết cấu lò hơi số 2 hiện hữu.

c) Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư thay thế Thang máy lò hơi số 2 giúp cho công tác kiểm tra thiết bị được đảm bảo thuận tiện, an toàn, công tác sửa chữa lò hơi được nhanh chóng, hiệu quả.

3. Thiết bị phân tích nhiệt lượng

a) Hiện trạng thiết bị:

** Thông số kỹ thuật chính của thiết bị:*

- Model: AC500.

- Hãng sản xuất: Leco; xuất xứ: Mỹ.

- Tính năng và đặc điểm:

+ Máy xác định nhiệt trị AC500 với độ chính xác cao với khối lượng mẫu khác nhau và điều kiện môi trường xung quanh.

+ Dùng loại đốt trực tiếp hoặc gián tiếp qua sợi cotton.

+ Bao gồm một số chế độ phân tích có sẵn: Regnault-Pfaundler, Precision, và Predictive.

+ Tự động khuấy - đánh lửa: Một mạch đốt cháy đánh lửa tùy chọn cung cấp một phân tích liên mạch mà không cần kết nối dây.

+ Thiết kế: Máy đo nhiệt lượng 500 Isoperibol có một trạm nạp bình đốt và đo lường nước - AC tích hợp giúp đơn giản hóa việc chuẩn bị mẫu. Thiết bị để bàn độc lập này có một hệ thống tuần hoàn tích hợp đầy đủ. Làm cho nó nhỏ gọn cũng như vận hành đơn giản. Không cần thêm máy sưởi hoặc máy làm mát. Hệ điều hành sử dụng nhiệt kế điện tử với độ chính xác 0,0001°C để đo nhiệt độ sáu giây một lần. 500 cũng có khả năng AC độc đáo để liên tục theo dõi nhiệt độ ở cả lớp vỏ ngoài và nhiệt lượng kế thích hợp. Giúp có thể điều chỉnh hai kênh.

+ Mức hiệu suất cao 500 đạt được độ chính xác cao trên nhiều kích thước mẫu AC và điều kiện môi trường xung quanh. Kết quả có thể thu được bằng cách sử dụng lựa chọn ba chế độ: Regnault-Pfaundler truyền thống = 20 phút, Độ chính xác = 8 phút hoặc Dự đoán = 4,5 đến 7,5 phút.

** Lịch sử hoạt động, sửa chữa:*

- Thời điểm đưa vào sử dụng: 15/5/2014.

- Thời điểm sửa chữa lớn gần nhất: Chưa thực hiện sửa chữa lớn.

** Tình trạng thiết bị:*

Thiết bị đang vận hành, tuy nhiên có một số khiếm khuyết sau:

- Các gioăng đầu ống nạp khí ga bị mòn, xước.

- Bơm nước có tiếng kêu ồn, các ống dẫn nước có hiện tượng bị lão hóa.

- Bộ lọc nước chưa được thay mới, khả năng lọc bị giảm, tần suất thay nước tăng.

- Các chi tiết bên trong như tụ điện, dây mồi (dây điện cực kích) chưa được vệ sinh hoặc thay thế.

- Các cảm biến nhiệt cần được kiểm tra, thay thế.

- Phần mềm của máy là phần mềm cũ, chưa được cập nhật nâng cấp mới.

b) Sự cần thiết đầu tư:

Căn cứ hiện trạng của Thiết bị đo nhiệt lượng hiện hữu nêu trên, sau 11 năm vận hành, thiết bị đã xuống cấp, các linh kiện đã lão hóa, độ chính xác không

cao. Vì vậy, để đảm bảo công việc phân tích đánh giá đúng chất lượng than nhập, đáp ứng tiến độ, thời gian giao nhận than, việc đầu tư Thiết bị phân tích nhiệt lượng khác để thay thế là cần thiết.

c) Mục tiêu đầu tư:

Đầu tư thay thế Thiết bị phân tích nhiệt lượng giúp phân tích chính xác chất lượng than, đảm bảo công tác giao nhận than đạt kết quả cao, nâng cao hiệu suất tổ máy, tiết kiệm chi phí.

II. NỘI DUNG ĐỀ CƯƠNG NHIỆM VỤ GIAI ĐOẠN CHUẨN BỊ ĐẦU TƯ

1. Phương pháp luận

Việc lập dự án đầu tư phải đảm bảo các yêu cầu sau:

- Nội dung dự án đầu tư: Việc lập dự án đầu tư phải tuân thủ các quy định hiện hành của Nhà nước về quản lý đầu tư xây dựng, quy định hiện hành khác có liên quan và căn cứ các hồ sơ quản lý kỹ thuật hệ thống/thiết bị của nhà máy. Hồ sơ dự án đầu tư phải đầy đủ, đảm bảo yêu cầu về nội dung theo Mẫu hồ sơ dự án ban hành kèm theo Quyết định số 3855/QĐ-ĐLTKV ngày 31/12/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV.

- Sự cần thiết đầu tư dự án: Phân tích, đánh giá hiện trạng hệ thống/thiết bị; phân tích đánh giá tình trạng vận hành, các khiếm khuyết, bất cập trong quá trình vận hành (nếu có)... để từ đó đánh giá sự cần thiết phải đầu tư dự án và đề xuất quy mô đầu tư dự án.

- Nghiên cứu các giải pháp công kỹ thuật, công nghệ: Trên cơ sở các kết quả khảo sát, đo đạc thực tế, đánh giá hiện trạng thiết bị, quá trình sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn,...; nghiên cứu đề xuất giải pháp triển khai thực hiện dự án, trong đó đề xuất lựa chọn các công nghệ, tiêu chí kỹ thuật đảm bảo:

(i) Phù hợp với hiện trạng vận hành của NMNĐ Sơn Động;

(ii) Phù hợp với sự phát triển công nghệ hiện nay, tính tương thích với hệ thống hiện có, khắc phục được lỗi của hệ thống hiện tại, đã được áp dụng có hiệu quả ở các nhà máy nhiệt điện tương tự (trong nước hoặc trên thế giới) và được đánh giá đảm bảo vận hành ổn định;

(iii) Chi phí đầu tư ban đầu và chi phí vận hành sửa chữa phù hợp với yêu cầu kỹ thuật, đảm bảo hiệu quả kinh tế;

(iv) Đảm bảo khả năng thi công lắp đặt;

(v) Tiết kiệm năng lượng và hiệu quả, thân thiện với môi trường;

(vi) Khả năng cung cấp của thị trường (các nhà cung cấp tiềm năng).

- Tính toán, xác định tổng mức đầu tư trên cơ sở tuân thủ các quy định hiện hành, theo hướng dẫn tại Chương 4 của Mẫu hồ sơ dự án ban hành tại Quyết định số 3855/QĐ-ĐLTKV ngày 31/12/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực -TKV, đảm bảo tính đúng, tính đủ trong đó xem xét đến cả chi phí vận hành, xét đến hiệu quả kinh tế của dự án.

- Xây dựng kế hoạch triển khai thực hiện dự án chi tiết, đảm bảo phù hợp

với công tác vận hành của nhà máy, sớm đưa dự án vào sử dụng.

2. Nhiệm vụ khảo sát phục vụ lập dự án đầu tư

Căn cứ các quy định hiện hành của Nhà nước, hiện trạng vận hành và mục tiêu của dự án, công tác khảo sát dự án bao gồm các công việc như sau:

- Xác định mục đích, phạm vi, đối tượng khảo sát; bố trí nhân lực và lịch trình khảo sát.

- Khảo sát trực tiếp, đánh giá hiện trạng kỹ thuật, tình trạng hoạt động của các thiết bị dự kiến đầu tư, bao gồm:

- + Thiết bị quạt tháp làm mát tuần hoàn tổ máy số 2 (số 7, 8, 9, 10, 11, 12);

- + 01 Thiết bị phân tích nhiệt lượng;

- + 01 Thang máy lò hơi số 2.

- Phân tích, đánh giá tình hình hoạt động, năng lực thiết bị, tình trạng vận hành, điều kiện làm việc, môi trường làm việc của các hệ thống/thiết bị hữu.

- Thu thập các số liệu, tài liệu kỹ thuật, thông tin về bảo dưỡng, sửa chữa, thông tin về tài chính của các thiết bị để phục vụ lập dự án.

- Tổng hợp chi tiết thông tin dữ liệu khảo sát để phục vụ lập dự án đầu tư.

3. Nhiệm vụ lập dự án đầu tư

- Trên cơ sở kết quả khảo sát hiện trạng, công tác lập dự án đầu tư phải tuân thủ các quy định hiện hành, đưa ra được giải pháp kỹ thuật chi tiết để triển khai thực hiện đáp ứng sự cần thiết đầu tư, yêu cầu vận hành, đảm bảo nhà máy vận hành ổn định, an toàn và hiệu quả.

- Nội dung dự án đầu tư lập phải tuân thủ theo hướng dẫn tại Quyết định số 3855/QĐ- ĐLTKV ngày 31/12/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV về việc ban hành Mẫu hồ sơ dự án đầu tư tài sản cố định là thiết bị để duy trì, phục vụ sản xuất trong Tổng công ty Điện lực TKV- CTCP.

- Tổng mức đầu tư dự án được lập trên nguyên tắc tuân thủ hướng dẫn tại Chương 4 của Mẫu hồ sơ dự án ban hành kèm theo Quyết định số 3855/QĐ-ĐLTKV ngày 31/12/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV đảm bảo tính đúng, tính đủ, khách quan và minh bạch.

4. Yêu cầu về biên chế hồ sơ dự án

- Biên chế hồ sơ dự án phải tuân thủ theo Mẫu hồ sơ dự án ban hành kèm theo Quyết định số 3855/QĐ-ĐLTKV ngày 31/12/2025 của Tổng giám đốc Tổng công ty Điện lực - TKV, bao gồm các nội dung chính sau đây:

TẬP 1	THUYẾT MINH CHUNG
CHƯƠNG 1	TỔNG QUAN
1.1	Thông tin dự án
1.2	Giới thiệu tổ chức tư vấn khảo sát, lập dự án đầu tư
1.3	Cơ sở, căn cứ lập dự án
1.4	Nội dung chính và biên chế hồ sơ

CHƯƠNG 2	SỰ CẦN THIẾT ĐẦU TƯ DỰ ÁN
2.1	Giới thiệu chung về nhà máy
2.2	Giới thiệu về hệ thống/thiết bị đầu tư
2.3	Đánh giá hiện trạng hệ thống/thiết bị đầu tư
2.4	Kết luận
CHƯƠNG 3	LỰA CHỌN GIẢI PHÁP KỸ THUẬT - CÔNG NGHỆ
3.1	Lựa chọn giải pháp kỹ thuật - công nghệ
3.2	Tính toán, lựa chọn thông số thiết bị và lựa chọn chủng loại thiết bị
3.3	Các hạng mục đầu tư
CHƯƠNG 4	TỔNG MỨC ĐẦU TƯ
4.1	Căn cứ pháp lý lập tổng mức đầu tư
4.2	Thuyết minh tổng mức đầu tư
4.3	Nguồn vốn đầu tư dự án
CHƯƠNG 5	TỔ CHỨC THỰC HIỆN
5.1	Quản lý dự án
5.2	Tiến độ dự án dự kiến
5.3	Biện pháp thi công lắp đặt
5.4	Các biện pháp BVMT, PCCC, ATLĐ
5.5	Các yêu cầu liên quan đến công tác lắp đặt, đào tạo vận hành, chuyển giao công nghệ, bản quyền...
5.6	Cung cấp điện, nước và vật tư, trang thiết bị phục vụ thi công
CHƯƠNG 6	QUẢN LÝ VẬN HÀNH VÀ BẢO DƯỠNG
6.1	Quản lý, vận hành
6.2	Bảo dưỡng và sửa chữa
CHƯƠNG 7	ĐÁNH GIÁ VÀ PHÂN TÍCH HIỆU QUẢ DỰ
7.1	Đánh giá hiệu quả về mặt kỹ thuật
CHƯƠNG 8	KẾT LUẬN, KIẾN NGHỊ
8.1	Kết luận
8.2	Kiến nghị
TẬP 2	CÁC PHỤ LỤC
TẬP 3	CÁC BẢN VẼ
TẬP 4	CÁC TÀI LIỆU ĐI KÈM BÁO CÁO

PHỤ LỤC II

(Đính kèm Hợp đồng số: 02/2026/NĐSD- VIETTEK ngày 31/03/2026)

DANH SÁCH NHÂN SỰ THỰC HIỆN HỢP ĐỒNG

TT	Họ và tên	Vị trí đảm nhiệm trong gói thầu	Trình độ chuyên môn
1	Trần Minh Đức	Chủ nhiệm dự án	Kỹ sư Công nghệ Nhiệt
2	Ngô Quang Dũng	Chủ trì phần Cơ Điện	Kỹ sư Nhiệt
3	Bùi Đức Phong	Chủ trì phần Điều khiển – Tự động hóa	Kỹ sư công nghệ kỹ thuật điện
4	Nguyễn Hòa Hưng	Chủ trì lập Tổng mức đầu tư	Kỹ sư kỹ thuật năng lượng
5	Nguyễn Phương An	Kỹ sư chuyên ngành	Kỹ sư Hệ thống điện
6	Trần Quang Minh	Kỹ sư chuyên ngành	Kỹ sư Kỹ thuật năng lượng